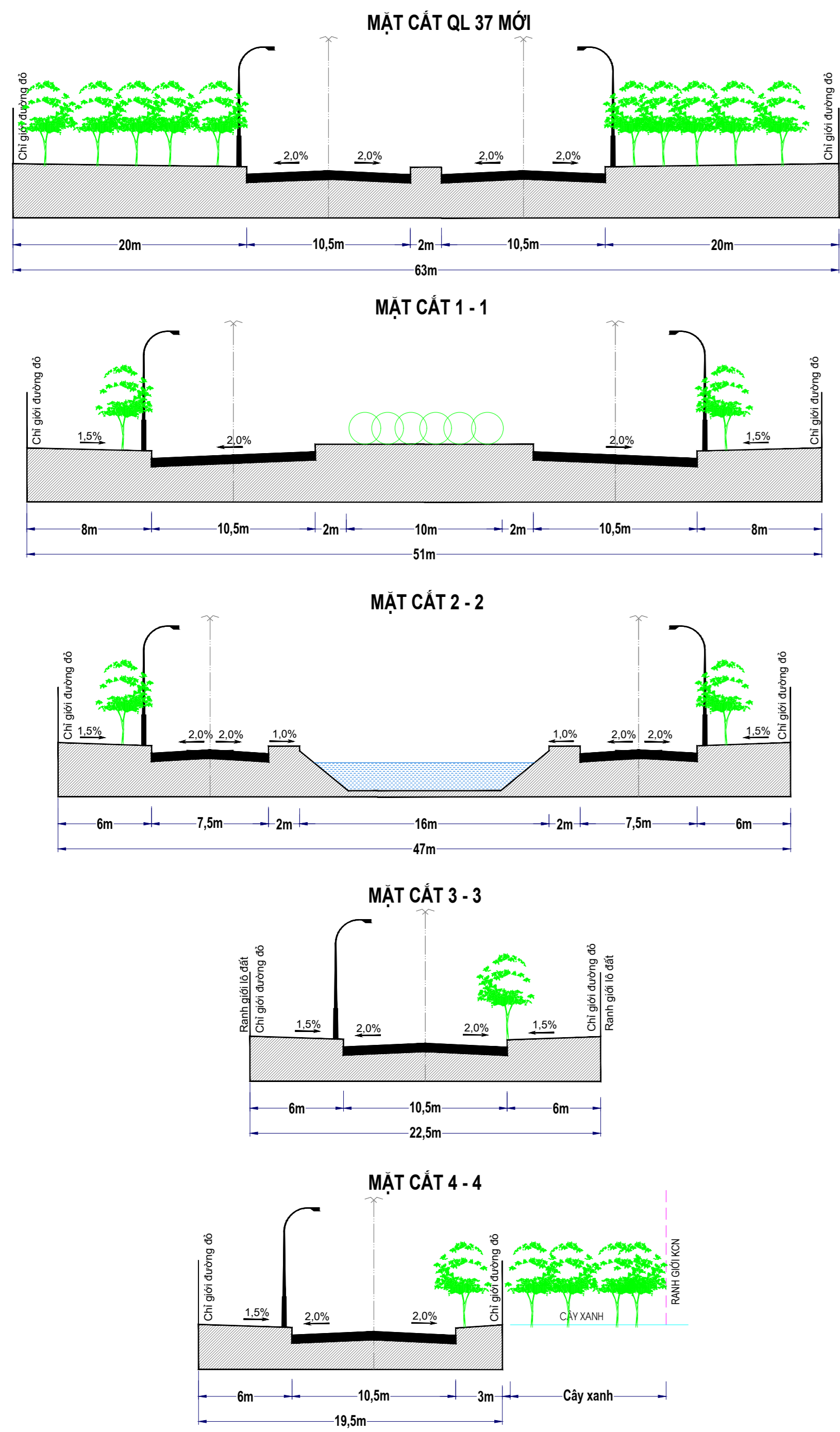
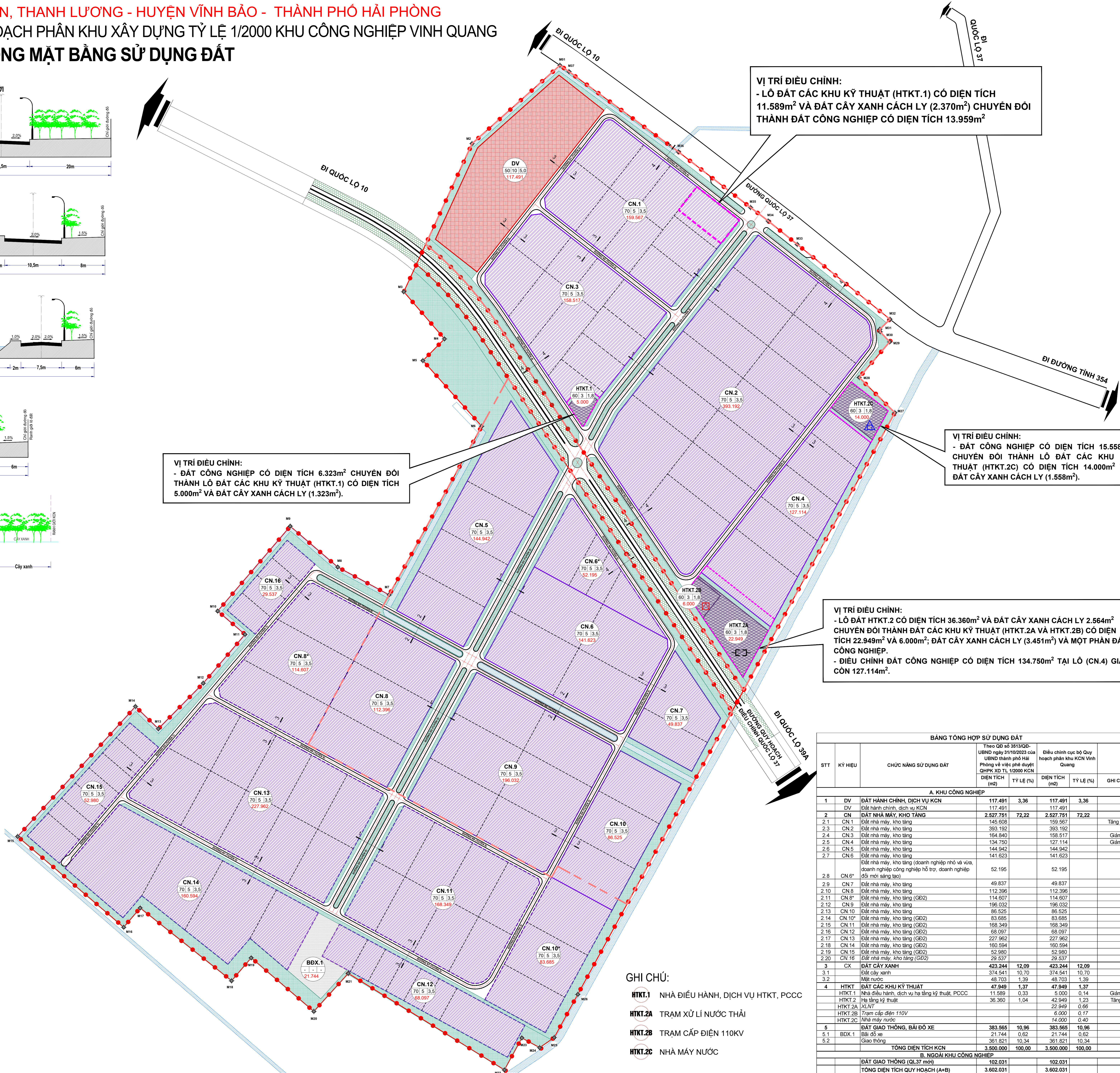


**XÃ VINH QUANG, CỘNG HIỀN, THANH LƯƠNG - HUYỆN VĨNH BẢO - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  
**ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000 KHU CÔNG NGHIỆP VINH QUANG**  
**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**



**BẢNG TOA ĐỘ RANH GIỚI NGHIÊN CỨU PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH**

STT	TOA ĐỘ X	TOA ĐỘ Y
M1	X 2284985.191	Y 578050.525
M2	X 2284754.284	Y 577791.301
M3	X 2284316.875	Y 577589.713
M4	X 2284177.593	Y 577709.747
M5	X 2284113.551	Y 577646.206
M6	X 2283919.644	Y 577819.533
M7	X 2283422.073	Y 577546.309
M8	X 2283504.108	Y 577934.689
M9	X 2283624.502	Y 577254.800
M10	X 2283374.145	Y 577040.429
M11	X 2283305.155	Y 577121.075
M12	X 2283161.137	Y 576997.873
M13	X 2283026.710	Y 576865.297
M14	X 2283092.430	Y 576797.701
M15	X 2282708.564	Y 576449.940
M16	X 2282440.698	Y 576763.064
M17	X 2282497.626	Y 576811.764
M18	X 2282282.757	Y 577081.473
M19	X 2282350.419	Y 577139.356
M20	X 2282192.287	Y 577324.206
M21	X 2282304.459	Y 577425.938
M22	X 2282019.607	Y 577886.745
M23	X 2282113.992	Y 577938.174
M24	X 2282085.422	Y 577990.608
M25	X 2282115.212	Y 578033.959
M26	X 2282242.407	Y 578103.265
M27	X 2283959.771	Y 579039.024
M28	X 2284063.766	Y 578933.921
M29	X 2284168.738	Y 579023.897
M30	X 2284198.329	Y 578996.056
M31	X 2284206.373	Y 578995.094
M32	X 2284235.603	Y 579024.820
M33	X 2284456.594	Y 578750.992
M34	X 2284525.903	Y 578665.113
M35	X 2284565.575	Y 578613.206
M36	X 2284730.123	Y 578400.011
M37	X 2284966.715	Y 578077.235



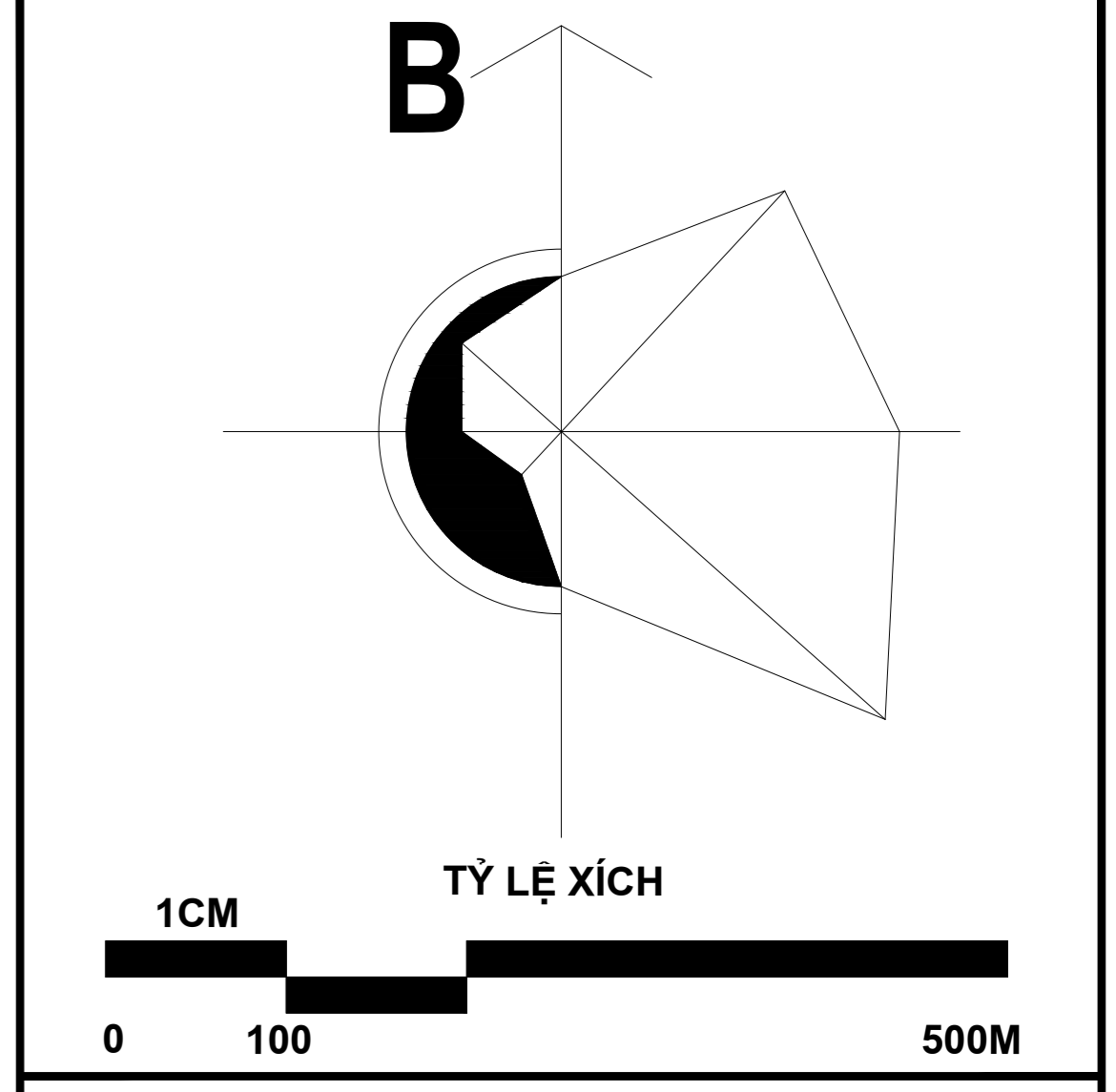
**VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH:**  
 - LÔ ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT (HTKT.1) CÓ DIỆN TÍCH 11.589m<sup>2</sup> VÀ ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY (2.370m<sup>2</sup>) CHUYỂN ĐỔI THÀNH ĐẤT CÔNG NGHIỆP CÓ DIỆN TÍCH 13.959m<sup>2</sup>

**VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH:**  
 - ĐẤT CÔNG NGHIỆP CÓ DIỆN TÍCH 6.323m<sup>2</sup> CHUYỂN ĐỔI THÀNH LÔ ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT (HTKT.1) CÓ DIỆN TÍCH 5.000m<sup>2</sup> VÀ ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY (1.323m<sup>2</sup>).

**VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH:**  
 - ĐẤT CÔNG NGHIỆP CÓ DIỆN TÍCH 15.558m<sup>2</sup> CHUYỂN ĐỔI THÀNH LÔ ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT (HTKT.2C) CÓ DIỆN TÍCH 14.000m<sup>2</sup> VÀ ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY (1.558m<sup>2</sup>).

**VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH:**  
 - LÔ ĐẤT HTKT.2 CÓ DIỆN TÍCH 36.360m<sup>2</sup> VÀ ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY 2.564m<sup>2</sup> CHUYỂN ĐỔI THÀNH ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT (HTKT.2A VÀ HTKT.2B) CÓ DIỆN TÍCH 22.949m<sup>2</sup> VÀ 6.000m<sup>2</sup>; ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY (3.451m<sup>2</sup>) VÀ MỘT PHẦN ĐẤT CÔNG NGHIỆP.  
 - ĐIỀU CHỈNH ĐẤT CÔNG NGHIỆP CÓ DIỆN TÍCH 134.750m<sup>2</sup> TẠI LÔ (CN.4) GIẢM CÓN 127.114m<sup>2</sup>.

- GHI CHÚ:**
- HTKT.1 NHÀ ĐIỀU HÀNH, DỊCH VỤ HTKT, PCCC
  - HTKT.2A TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
  - HTKT.2B TRẠM CẤP ĐIỆN 110KV
  - HTKT.2C NHÀ MÁY NƯỚC



- KÝ HIỆU:**
- ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ KCN
  - ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG (GD1)
  - ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG GD1 DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
  - ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG (GD2)
  - ĐẤT CÂY XANH
  - BÃ ĐỒ XE
  - ĐẤT MẶT NƯỚC
  - ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT
  - RANH GIỚI KHU CN (350HA)
  - RANH GIỚI GD 1 (226.01HA)
- A: SỐ THỨ THỰ LÔ ĐẤT  
 B: MẶT ĐỘ XÂY DỰNG (%)  
 C: CHIỀU CAO (TẦNG)  
 D: HỆ SỐ SDD  
 E: DIỆN TÍCH (M2)
- NHÀ MÁY NƯỚC
  - TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
  - TRẠM CẤP ĐIỆN 110KV

**BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT**

STT	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	Theo QP số 3813/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt QHPK XD TL 1/2000 KCN		Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu KCN Vinh Quang		GHI CHÚ
			DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)	
<b>A. KHU CÔNG NGHIỆP</b>							
1	DV	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ KCN	117.491	3,36	117.491	3,36	
2	CN	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	2.527.751	72,22	2.527.751	72,22	
2.1	CN.1	Đất nhà máy, kho tầng	145.038	159.957			Tăng 13.959
2.2	CN.2	Đất nhà máy, kho tầng	393.192	393.192			
2.3	CN.3	Đất nhà máy, kho tầng	164.840	158.517			Giảm 6.323
2.4	CN.4	Đất nhà máy, kho tầng	134.750	127.114			Giảm 7.636
2.5	CN.5	Đất nhà máy, kho tầng	144.942	144.942			
2.6	CN.6	Đất nhà máy, kho tầng	141.823	141.823			
2.7	CN.6*	Đất nhà máy, kho tầng (doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo)	52.195	52.195			
2.8	CN.6*		49.837	49.837			
2.9	CN.7	Đất nhà máy, kho tầng	112.396	112.396			
2.10	CN.8	Đất nhà máy, kho tầng	114.607	114.607			
2.11	CN.8*	Đất nhà máy, kho tầng (GD2)	196.032	196.032			
2.12	CN.9	Đất nhà máy, kho tầng	86.525	86.525			
2.13	CN.10	Đất nhà máy, kho tầng	83.685	83.685			
2.14	CN.10*	Đất nhà máy, kho tầng (GD2)	168.349	168.349			
2.15	CN.11	Đất nhà máy, kho tầng	68.097	68.097			
2.16	CN.12	Đất nhà máy, kho tầng (GD2)	227.962	227.962			
2.17	CN.13	Đất nhà máy, kho tầng (GD2)	160.594	160.594			
2.18	CN.14	Đất nhà máy, kho tầng (GD2)	52.980	52.980			
2.19	CN.15	Đất nhà máy, kho tầng (GD2)	29.537	29.537			
2.20	CN.16	Đất nhà máy, kho tầng (GD2)					
3	CX	ĐẤT CÂY XANH	423.244	12,09	423.244	12,09	
3.1		Đất cây xanh	374.541	10,70	374.541	10,70	
3.2		Mặt nước	48.703	1,39	48.703	1,39	
4	HTKT	ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT	47.949	1,37	47.949	1,37	
4.1	HTKT.1	Nhà điều hành, dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, PCCC	11.589	0,33	5.000	0,14	Giảm 6.589
4.2	HTKT.2	Hạ tầng kỹ thuật	36.360	1,04	42.949	1,23	Tăng 6.589
4.3	HTKT.2A	XLNT			22.949	0,66	
4.4	HTKT.2B	Trạm cấp điện 110V			6.000	0,17	
4.5	HTKT.2C	Nhà máy nước			14.000	0,40	
5	BDX	ĐẤT GIAO THÔNG, BÃ ĐỒ XE	383.565	10,96	383.565	10,96	
5.1		Bãi đỗ xe	21.744	0,62	21.744	0,62	
5.2		Giao thông	361.821	10,34	361.821	10,34	
<b>TỔNG DIỆN TÍCH KCN</b>			<b>3.500.000</b>	<b>100,00</b>	<b>3.500.000</b>	<b>100,00</b>	
<b>ĐẤT GIAO THÔNG (QL37 mới)</b>			<b>102.031</b>		<b>102.031</b>		
<b>TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH (A+B)</b>			<b>3.602.031</b>		<b>3.602.031</b>		

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:**  
 ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:**  
 BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

THEO BÁO CÁO SỐ: ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

**CHỦ ĐẦU TƯ:**  
 CÔNG TY CỔ PHẦN IDICO VINH QUANG

THEO TỜ TRÌNH SỐ: ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

**CÔNG TRÌNH:** ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000 KHU CÔNG NGHIỆP VINH QUANG  
 XÃ VINH QUANG, CỘNG HIỀN, THANH LƯƠNG - HUYỆN VĨNH BẢO - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**TÊN BẢN VẼ:**  
 BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-03 | GHÉP: 1 x A0 | TỶ LỆ: FIT A0 | NGÀY HT: .../.../2025

**THIẾT KẾ:** KTS. NGUYỄN QUANG HUY  
**CHỦ NHIỆM:** KTS. TRẦN QUANG BẢO  
**CHỦ NHIỆM Đ.A:** KTS. LÊ THỊ THỦY TRÂM  
**TP.TK QHKT:** KTS. LÊ THỊ THỦY TRÂM  
**QL.KỸ THUẬT:** KS. TẠ VĂN LỢI

**KT GIÁM ĐỐC:**

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO**  
 Đ/C: SỐ 100 ĐƯỜNG NGUYỄN GIA THÌ - P. 25 - Q. BÌNH THẠNH - TP. HCM  
 Đ/T: 028.38959588 - F/AK: 028.38959588 - www.idico-incon.com.vn

**CÔNG TRÌNH:** ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000 KHU CÔNG NGHIỆP VINH QUANG  
**TÊN BẢN VẼ:** BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT